

## VAI TRÒ CỦA WWF TRONG BẢO TỒN BIỂN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Diệu Thúy & Thẩm Thị Ngọc Diệp  
WWF-Việt Nam

**Tóm tắt:** WWF đã tham gia công tác bảo tồn biển tại Việt Nam từ đầu những năm 1990. Phương pháp tiếp cận của WWF không chỉ thông qua thực hành quản lý tài nguyên bền vững, mà còn thông qua vận động chính sách và tiếp cận từ thị trường, những tiếp cận đã chứng tỏ tiềm năng trong việc tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học biển và cải thiện đời sống người dân. Đến nay, WWF-Việt Nam đã tích cực làm việc với các bên liên quan bao gồm các đối tác cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, v.v... để: i) thúc đẩy phát triển các khu bảo tồn biển; ii) đẩy mạnh khai thác thủy sản bền vững, có sự tham gia của cộng đồng và áp dụng các tiêu chuẩn của chứng nhận MSC; iii) giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác thủy sản lên các loài nguy cấp. Bài viết trình bày vai trò của WWF trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển Việt Nam cũng như định hướng hoạt động của WWF trong tương lai.

**Từ khóa:** *WWF, Bảo tồn biển, Thủy sản bền vững, MSC, Loài nguy cấp*

## ROLE OF WWF IN MARINE CONSERVATION IN VIETNAM

Nguyen Thi Dieu Thuy, Tham Thi Ngoc Diep  
WWF - Viet Nam

**Abstract:** WWF's efforts in coastal and marine conservation in Vietnam dates back to the early 1990s. Its approaches and interventions have considered not only sustainable resource management practices, but also policy advocacy and market driven which have shown potential to improve both biodiversity conservation and people's livelihoods. To date, WWF-Vietnam has actively worked with various stakeholders including government partners from the central government to the local authorities levels, research institutes, private sectors, etc. in i) advancing marine protected areas (MPAs), ii) scaling up the sustainable fisheries interventions, particularly with the participation of communities and application of the MSC (Marine Stewardship Council) certification's standards, and iii) mitigating the impact of fishing activities on endangered species in the coastal and marine waters of Vietnam. This paper will present how WWF involves in the coastal and marine biodiversity conservation in Vietnam as well as its perspectives for future interventions.

**Keywords:** *WWF, marine protected area (MPA), Sustainable fisheries, Endangered species*

## I. GIỚI THIỆU

Việt Nam, với 3200km bờ biển và ba phần tư diện tích lãnh thổ là biển, được xem là quốc gia ‘biển’ lớn ở khu vực Đông Nam Á. Biển chính là một phần di sản, nền kinh tế và đặc tính văn hóa của quốc gia bởi nó có mối liên kết rõ ràng với các thế hệ người dân Việt Nam trong quá khứ và hiện tại và điều này được phản ánh trong truyền thuyết, truyền thống và lịch sử của dân tộc.

Biển Việt Nam, khu dự trữ đa dạng sinh học biển nhiệt đới, với hơn 11.000 loài sinh vật đã được xác định sống ở hơn 20 loại hệ sinh thái khác nhau, và có mối liên hệ địa sinh học mạnh mẽ với trung tâm đa dạng sinh học Ấn Độ - Tây Thái Bình Dương. Đa dạng sinh học biển và ven biển Việt Nam có tầm quan trọng toàn cầu và bởi vậy, có giá trị bảo tồn cao.

Các loài sinh vật và hệ sinh thái biển và ven biển Việt Nam cung cấp nguồn sinh kế quan trọng và có giá trị cao cho các cộng đồng ở toàn bộ dải ven biển Việt Nam. Khai thác hải sản đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc gia và là một trong những ngành đóng góp chính cho tổng giá trị xuất khẩu. Sự đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan biển và ven biển cũng cung cấp cơ hội lớn cho ngành du lịch, cũng như các vịnh ven biển và cửa sông tạo cơ hội cho sự phát triển cảng, v.v...

Tuy nhiên, đa dạng sinh học biển và ven biển Việt Nam có biểu hiện rõ ràng về sự suy thoái. Khai thác quá mức là nguyên nhân rõ ràng nhất giải thích sự suy giảm năng suất khai thác đáng kể trong khi cường lực khai thác gia tăng trong những năm gần đây. Sự tập trung của dân cư, khu công nghiệp và sự phát triển cơ sở hạ tầng ở vùng ven biển trên cơ sở quy hoạch và quản lý yếu kém gây suy giảm chất lượng môi trường và phá hủy sinh cảnh tự nhiên, kéo theo sự suy giảm đa dạng sinh học v.v...

WWF tham gia công tác bảo tồn biển và ven biển tại Việt Nam từ đầu những năm 1990. Phương pháp tiếp cận của WWF không chỉ thông qua thực hành quản lý tài nguyên bền vững, mà còn thông qua vận động chính sách và tiếp cận từ thị trường. Với mục tiêu là các cộng đồng ven biển và các bên liên quan tham gia vào các hoạt động phát triển bền vững giúp bảo tồn đa dạng sinh học, các quá trình và chức năng của hệ sinh thái, các loài quan trọng và các giá trị của môi trường biển và ven biển Việt Nam, những tiếp cận này đã chứng tỏ tiềm năng trong việc tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học biển và cải thiện đời sống người dân. Cho đến nay, WWF-Việt Nam đã tích cực làm việc với các bên liên quan bao gồm các đối tác cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, v.v... nhằm đạt mục tiêu là các cộng đồng ven biển và các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bền vững giúp bảo tồn đa dạng sinh học, các quá trình và chức năng của hệ sinh thái, các loài quan trọng và các giá trị của môi trường biển và ven biển Việt Nam.

## II. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN BIỂN VÀ VEN BIỂN CỦA WWF VIỆT NAM

### 1. Thúc đẩy sự phát triển các khu bảo tồn biển

#### 1.1. Tham gia thúc đẩy sự hình thành và vận hành mạng lưới các KBTB ở Việt Nam

WWF Việt Nam đã chủ động phối hợp với các cơ quan chính phủ, các nhà khoa học trong và ngoài nước, một số tổ chức NGO xúc tiến khảo sát thu thập thông tin và phân tích cơ hội cho sự phát triển của hệ thống KBTB ở Việt Nam từ giữa những năm 1990. WWF Việt Nam, vào cuối những năm 1990, đã tham gia phát triển cơ sở chính sách cho mạng lưới KBTB của Việt Nam thông qua các hoạt động vận động chính sách và hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ Bộ Thủy sản thành lập và quản lý hệ thống KBTB. Sau khi Luật Thủy sản 2005 chính thức quy định cơ quan quản lý KBTB ở cấp trung ương và cấp tỉnh, WWF Việt Nam đã làm việc trực tiếp với Bộ Thủy sản và các KBTB cụ thể để phổ biến các phương pháp và công cụ cho quản lý KBTB được xây dựng bởi WWF và các tổ chức bảo tồn hàng đầu thế giới cũng như các bài học kinh nghiệm từ thực tế công tác BTB tại các địa điểm và quốc gia khác trên thế giới.

#### 1.2. Tăng cường năng lực quản lý các KBTB tại Việt Nam

Nắm bắt nhu cầu rõ rệt ở cấp tỉnh và địa phương cho việc xây dựng năng lực cho việc quản lý KBTB, WWF đã hỗ trợ các KBTB (như Côn Đảo, Núi Chúa, và Phú Quốc) tiến hành các can thiệp tổng hợp nhằm tăng cường quản lý KBTB:

- Truyền thông và nâng cao nhận thức: (i) hỗ trợ quá trình phổ biến kiến thức với các bên liên quan về vai trò và lợi ích của KBTB, quy trình lập kế hoạch quản lý, phân vùng khu bảo tồn biển, v.v... (ii) xây dựng chiến lược và nâng cao năng lực cho cán bộ KBTB làm công tác truyền thông và giáo dục môi trường cho Ban quản lý KBTB.
- Điều phối quá trình lập kế hoạch quản lý KBTB: thúc đẩy quá trình có sự tham gia có điều phối để lập kế hoạch quản lý KBTB, bao gồm cả việc thu thập kiến thức sinh thái địa phương và quá trình xác định “mục đích và mục tiêu” của KBTB có sự tham gia của cộng đồng.
- Xúc tiến các cơ chế quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng: điều phối tham vấn cộng đồng và phát triển sáng kiến cải tiến khai thác thủy sản cho phép cộng đồng có vai trò lớn hơn trong việc quản lý nguồn lợi thủy sản ở địa phương.
- Tăng cường thực thi pháp luật: đánh giá tình hình thực thi pháp luật, xây dựng chương trình thực thi và tập huấn cho các nhóm mục tiêu tham gia trong công tác thực thi pháp luật.
- Xây dựng chương trình hỗ trợ sinh kế: xây dựng chương trình phát triển sinh kế cho KBTB để cung cấp hướng dẫn cho việc xác định và thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng và hỗ trợ sinh kế phù hợp với mục đích và mục tiêu của kế hoạch quản lý KBTB.

- Phục hồi hệ sinh thái có sự tham gia của cộng đồng: cung cấp thông tin và phối hợp với các chuyên gia trong nước và quốc tế trong việc thiết kế chương trình phục hồi hệ sinh thái phù hợp với sự tham gia của người dân địa phương.

## 2. Thủy sản bền vững

Trong những năm qua, WWF đã và đang tích cực đẩy mạnh việc phát triển thủy sản bền vững thông qua các sáng kiến của mạng lưới toàn cầu như Sáng kiến Khai thác khôn khéo hơn (Smart Fishing Initiative) và Sáng kiến Thay đổi thị trường (Market Transformation Initiative). Với Sáng kiến Khai thác khôn khéo hơn (Smart Fishing Initiative), WWF tập trung vào việc thúc đẩy khai thác thủy sản có trách nhiệm, sử dụng các công cụ khai thác làm giảm thiểu tác động đến các loài đang bị đe dọa cũng như bảo tồn nguồn tài nguyên phục vụ đời sống con người. Ở Việt Nam, WWF đã và đang tích cực phối hợp với các đơn vị của Tổng cục Thủy sản, các doanh nghiệp và ngư dân để thúc đẩy việc sử dụng lưới câu vòng thay thế cho lưới câu Nhật thường dùng nhằm giảm thiểu tác động tới rùa biển, sử dụng các thiết bị để cứu hộ rùa biển bắt gặp trong quá trình khai thác. Các chương trình truyền thông của WWF cũng hướng ngư dân tới việc bảo vệ các loài nguy cấp như rùa biển, thú biển, cá mập và bảo vệ con non của các đối tượng bị khai thác (cá ngừ). Hàng năm mạng lưới WWF toàn cầu cũng tổ chức cuộc thi Khai thác khôn khéo (Smart Fishing Competition) với giải thưởng cao nhất là 30,000USD nhằm tìm kiếm các sáng kiến cải tiến ngư cụ để giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác lên hệ sinh thái và bảo vệ các loài nguy cấp.

Trong 4 năm từ 2008 đến 2011, WWF đã phối hợp với Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Viện Nghiên cứu Hải sản, trường Đại học Nha Trang, các Chi cục Khai thác ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa tổ chức các lớp tập huấn cho ngư dân và các quan sát viên đi trên tàu của ngư dân về cứu hộ rùa biển. Với 36 chuyến đi của các quan sát viên trên tàu câu vàng trong khuôn khổ chương trình Bycatch của WWF từ 2008-2011, đã cứu hộ được 19/23 con rùa biển các loại. Với xác suất trung bình cứ 1,6 chuyến biển của nghề câu vàng thì gặp 1 con rùa mắc câu hoặc vướng lưới, thống kê hiện tại Việt Nam có khoảng hơn 2.500 tàu câu cá ngừ, trung bình mỗi năm một tàu đi 4-5 chuyến, lượng rùa biển bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác thủy sản có thể lên đến hàng ngàn con mỗi năm.

Với Sáng kiến Thay đổi thị trường (Market Transformation Initiative), WWF tập trung vào việc thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm được khai thác có trách nhiệm, cụ thể là các sản phẩm đạt được các tiêu chuẩn của các nhãn sinh thái như MSC<sup>1</sup> và ASC. Tại các thị trường nhập khẩu lớn như EU, Mỹ, Nhật, WWF làm việc với các tập đoàn bán buôn, bán lẻ sản phẩm thủy hải sản để thúc đẩy việc tiêu dùng các sản phẩm được khai thác, sản xuất bền vững. Người tiêu dùng cũng được hướng dẫn sử dụng các sản phẩm này thông qua các Hướng dẫn sử dụng sản phẩm thủy hải sản (Seafood Guide). Tại các nước sản xuất như Việt Nam, WWF

---

<sup>1</sup> Chứng nhận MSC được cấp cho các sản phẩm hải sản khai thác từ tự nhiên thỏa mãn 3 điều kiện:

- Quản thể nguồn lợi bền vững
- Nghề khai thác không gây ảnh hưởng đến quần thể nguồn lợi và hệ sinh thái
- Nghề khai thác có một hệ thống quản lý tốt

làm việc với ngư dân để thúc đẩy việc khai thác có trách nhiệm với nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái biển. Một trong những thành công của WWF là việc hỗ trợ nghề Bền Tre lấy chứng nhận MSC, giúp nâng cao giá bán sản phẩm, mở rộng thị trường và quan trọng hơn cả là việc tổ chức khai thác có trách nhiệm, duy trì sinh kế lâu dài cho ngư dân. Sau nghề Bền Tre, WWF cũng đang cùng với các doanh nghiệp và ngư dân khai thác ghe, Sở NN&PTNT Kiên Giang xây dựng và triển khai chương trình cải thiện nghề khai thác ghe xanh theo tiêu chuẩn của chứng nhận MSC. Mục tiêu là sau khi thực hiện xong chương trình cải thiện, nghề ghe có thể lấy được chứng nhận MSC và duy trì sự phát triển bền vững.

Không chỉ hướng tới riêng chứng nhận, WWF cũng làm việc với các doanh nghiệp thủy hải sản để thúc đẩy các hoạt động khai thác bền vững. Việc đạt được chứng nhận có thể phải mất nhiều năm nhưng các hoạt động nhằm giảm thiểu tác động tới nguồn lợi và hệ sinh thái cần được triển khai sớm. Vì vậy WWF cũng đã lựa chọn cá ngừ như là sản phẩm toàn cầu để cùng với các bên liên quan (nhà nước, doanh nghiệp, hiệp hội, ngư dân) triển khai các hoạt động thúc đẩy khai thác có trách nhiệm.

### **3. Bảo tồn loài**

Bảo tồn các loài nguy cấp như rùa biển và Dugong đã được WWF-Việt Nam triển khai ngay từ những năm 1990 và thực tế các hoạt động về bảo tồn biển của WWF trong thời gian đầu chủ yếu tập trung vào bảo tồn loài, cụ thể là rùa biển và Dugong. Hoạt động bảo tồn rùa biển và bãi đẻ của chúng ở Côn Đảo, Núi Chúa đã được WWF ưu tiên trong nhiều năm. Các hoạt động bảo tồn Dugong cũng được WWF phối hợp thực hiện ở Côn Đảo và Phú Quốc. Cùng với IUCN và Bộ Thủy sản (cũ), WWF đã nỗ lực tham gia vào việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch Hành động Rùa biển của Việt Nam.

Như đã đề cập ở trên, ngoài các nỗ lực bảo tồn loài và sinh cảnh của chúng trước đây, hiện nay WWF vẫn tiếp tục mục tiêu bảo tồn loài nhưng thông qua tiếp cận giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác thủy sản lên các loài đó. Song song với cách tiếp cận này, WWF cũng đã và đang tiến hành các hoạt động truyền thông về bảo tồn các loài nguy cấp tới các đối tượng như ngư dân, học sinh, sinh viên; truyền thông và vận động chính sách liên quan đến phòng chống buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã mà rùa biển và Dugong là các đối tượng nằm trong chương trình này.

### **III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Là tổ chức phi chính phủ có mạng lưới hoạt động trên toàn cầu, WWF có những thuận lợi riêng trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên biển. Các hoạt động của WWF đã hỗ trợ tích cực cho định hướng quản lý và phát triển bền vững của chính phủ Việt Nam. Qua gần 20 năm hoạt động ở Việt Nam, WWF đã vận động được nhiều nguồn kinh phí khác nhau từ các nhà tài trợ quốc tế để đóng góp vào công tác bảo tồn của Việt Nam. Trong lĩnh vực bảo tồn biển, WWF đã hợp tác với Vườn quốc gia Côn Đảo và Núi Chúa xây dựng được hệ thống bảo tồn các bãi đẻ của rùa biển; hợp tác với Cục Bảo vệ nguồn lợi và các chi cục Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa nâng cao nhận thức cho ngư dân, giảm thiểu tác động của hoạt

động khai thác thủy sản lên rùa biển cũng như các loài bị khai thác không chủ ý khác; phối hợp với IUCN và Cục Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản xây dựng và thực hiện Kế hoạch Hành động rùa biển; cùng với các đơn vị xây dựng hệ thống khu bảo tồn biển đặc biệt là khu bảo tồn biển Côn Đảo, Phú Quốc, Núi Chúa và Cù Lao Chàm. Thông qua kết quả của hoạt động giảm thiểu khai thác không chủ ý trong nghề câu vàng, WWF đã hỗ trợ được nghề khai thác cá ngừ đại dương của Việt Nam đạt được một số yêu cầu về Biện pháp quản lý và Bảo tồn trong khai thác cá ngừ của Tổ chức Quản lý nghề cá Trung Tây Thái Bình Dương, tổ chức mà Việt Nam đang là thành viên không chính thức có hợp tác. WWF cũng đã kết nối được các chuyên gia, các đơn vị khác nhau trong và ngoài nước vào các dự án bảo tồn biển. Nhờ mạng lưới toàn cầu, WWF có thể thực hiện được những sáng kiến bảo tồn đòi hỏi sự liên kết giữa các nước như sáng kiến Thay đổi thị trường, Khai thác khôn khéo hơn.

Bên cạnh những thuận lợi đó, WWF cũng có những thách thức riêng như ít nhân lực, hoạt động phụ thuộc vào nguồn vốn tài trợ, các dự án triển khai có thể bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong chính sách quản lý của các cấp quản lý nhà nước và của cả chiến lược hoạt động của WWF khu vực. Xuyên suốt quá trình hoạt động ở Việt Nam, WWF luôn đánh giá cao vai trò của cộng đồng địa phương và sự phối hợp với các đơn vị nhà nước trong công tác bảo tồn. Không chỉ lồng ghép vai trò đóng góp của cộng đồng vào các hoạt động dự án, WWF còn có các dự quản lý dựa vào cộng đồng trực tiếp như ở Quảng Nam, Kiên Giang. Song song với đó, sự phối hợp với các đơn vị nhà nước, tham khảo các chính sách, chiến lược của nhà nước cũng như địa phương góp phần đáng kể vào sự thành công của các dự án của WWF.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG CHO TƯƠNG LAI**

Là một thành viên thuộc mạng lưới toàn cầu, WWF Việt Nam cam kết tiến hành các hành động cấp thiết và tập trung để bảo tồn sự lành mạnh của các hệ thống tự nhiên phù hợp với khung hoạt động toàn cầu của WWF. WWF Việt Nam sẽ tập trung nỗ lực bảo tồn ở ba cảnh quan ưu tiên (là Trung Trường Sơn, Nam Trường Sơn và Đồng bằng sông Cửu Long) và các loài ưu tiên thuộc các cảnh quan đó.

Bên cạnh đó, WWF Việt Nam sẽ cùng chung sức với các thành viên trong mạng lưới để thúc đẩy thực hiện các Sáng kiến Mạng lưới như Sáng kiến Khai thác khôn khéo hơn, Sáng kiến Thay đổi thị trường, Sáng kiến Khí hậu và Năng lượng... và các ưu tiên riêng để giải quyết các vấn đề bảo tồn trọng điểm của quốc gia. Trong tương lai, công tác bảo tồn biển của WWF Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục và thừa kế các hoạt động trong các lĩnh vực kể trên. Phát triển thủy sản bền vững và giảm thiểu khai thác không chủ ý các loài bị đe dọa và các cá thể chưa trưởng thành của các loài là đối tượng khai thác vẫn sẽ là một mảng quan trọng trong công tác bảo tồn biển tại Việt Nam và trong mạng lưới của WWF toàn cầu. Với nguồn thông tin và sự hợp tác của các Sáng kiến mạng lưới, WWF Việt Nam sẽ tiếp tục thúc đẩy quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng, nghề cá có trách nhiệm và chương trình chứng nhận MSC cho các nghề cá quy mô nhỏ, tăng cường sự liên kết giữa ngư dân cam kết khai thác có trách nhiệm và thị trường, tạo ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người tiêu dùng đối với các sản phẩm thủy sản bền vững.